

Bản án số: 536/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- FORMTEXT Bà Nguyễn Thị Như Thương;
- FORMTEXT Ông Nguyễn Minh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024 trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1502024/HNGĐ ngày 01/3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 562024-HNGĐ ngày 20/5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1983; địa chỉ: D L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt;

Bị đơn: Ông Phan Thành Ú, sinh năm 1978; địa chỉ: D L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Bà Ngô Thị Thu T và ông Phan Thành Ú chung sống hợp pháp với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận A cấp ngày 08/7/2004. Vợ chồng chung sống có hai con chung tên Phan Vinh Q, sinh ngày 10/4/2006 và Phan Quang V, sinh ngày 18/4/2008.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn về nhiều mặt. Ông Ú còn nhiều lần chửi bới, đánh bà T, tình cảm vợ chồng không còn, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ú.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung tên Phan Vinh Q, sinh ngày 10/4/2006 và Phan Quang V, sinh ngày 18/4/2008. Trẻ Phan Vinh Q đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng trực tiếp trẻ Phan Quang V, không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn:

Theo kết quả xác minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Phan Thành Ú, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú tại D đường L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên

Toà án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ú nhưng ông Ú không đến Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và thời hạn gửi Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho Viện kiểm sát.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ngô Thị Thu T.
2. Về con chung: Giao trẻ V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng nuôi con. Riêng Phan Vinh Q đã thành niên muốn sống với cha hay mẹ tùy ý, không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Ngô Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Thành Ú. Ông Ú hiện đang cư trú trên địa bàn Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Ngày 17/6/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Ú: Thông báo Thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 19/4/2024, 06/5/2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày

20/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 11/6/2024 nhưng ông Ú không đến Tòa án giải quyết. Ngày 11/7/2024, ông Ú có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Ú đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông Ú vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông Ú đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ngô Thị Thu T và ông Phan Thành Ú tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01/2004 ngày 08/7/2004. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Ú là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Bà T và ông Ú chung sống có 02 con chung tên Phan Vinh Q, sinh ngày 10/4/2006 và Phan Quang V, sinh ngày 18/4/2008.

Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông Ú thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, tính cách và quan điểm sống. Bà T xác định cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Ú phát sinh và kéo dài đã lâu. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ú. Ông Ú biết rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của bà T nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết ông Ú không đến Tòa để hàn gắn, hòa giải. Đến phiên tòa xét xử ngày 11/6/2024, ông Ú mới đến Tòa án gửi Bản tự khai và nêu ý kiến mong muốn được đoàn tụ với bà T. Từ phiên tòa ngày 11/6/2024 đến phiên tòa xét xử lần hai ngày hôm nay, ông Ú cũng không có động thái gì thể hiện việc mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà T, bà T thì vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Ú.

Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Ú đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

- Về con chung: Phan Vinh Q, sinh ngày 10/4/2006 đã thành niên. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Phan Quang V, sinh ngày 18/4/2008, không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng.

Ông Ú đã biết rõ yêu cầu được nuôi trẻ V của bà T nhưng ông Ú không có ý kiến phản hồi về việc này. Mặt khác, trẻ V cũng có nguyện vọng sống cùng với mẹ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ **V**, ông **Ú** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Ú** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của bà **T**, cả hai không có tài sản chung và nợ chung.

- Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà **T** phải chịu.

Xét về quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Ngô Thị Thu T**.

2. Bà **Ngô Thị Thu T** được ly hôn với ông **Phan Thành Ú**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/7/2004 không còn giá trị.

3. Về con chung:

Phan Vinh Q, sinh ngày 10/4/2006 đã thành niên.

Bà **T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ **Phan Quang V**, sinh ngày 18/4/2008. Ông **Ú** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Ú** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của bà **T**, cả hai không có tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí: Bà **T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà **T** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/003263929/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà **H** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND Quận 11, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Loan